

c) Buộc tổ chức lập hoặc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng đúng quy định với hành vi quy định tại *điểm c khoản 3 Điều này* đối với công trình chưa khởi công xây dựng;

d) Buộc tổ chức giám sát khảo sát xây dựng hoặc giám sát khảo sát xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại *điểm d khoản 3 Điều này* đối với công trình đang thi công xây dựng;

đ) Buộc phê duyệt hoặc buộc phê duyệt lại dự toán *chi phí khảo sát theo quy định* với hành vi quy định tại *điểm đ khoản 3 Điều này* (áp dụng trong trường hợp chưa ký hợp đồng kinh tế với nhà thầu khảo sát);

e) Buộc áp dụng đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng với hành vi quy định tại *điểm e khoản 3 Điều này* đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng.

Điều 17. Vi phạm của nhà thầu về công tác khảo sát, giám sát khảo sát xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện khảo sát theo quy định;

b) Cử người không đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm khảo sát và tổ chức thực hiện biện pháp kiểm soát chất lượng quy định tại phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng;

c) Sử dụng nhân lực, thiết bị, phòng thí nghiệm không phù hợp với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt;

d) Sử dụng phiếu kết quả thí nghiệm không đáp ứng các nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập báo cáo hoặc lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng không phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng;

c) Lập nhiệm vụ khảo sát hoặc phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng không phù hợp với loại, cấp công trình xây dựng hoặc loại hình khảo sát;

d) Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định;

đ) *Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa hình không phù hợp với yêu cầu lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, không đảm bảo yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật.*

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo kết quả khảo sát không đúng thực tế khảo sát.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) *Không lập nhiệm vụ khảo sát hoặc không lập phương án kỹ thuật khảo sát;*

b) *Thực hiện khảo sát khi chưa có nhiệm vụ khảo sát hoặc phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt;*

c) *Thực hiện khảo sát không theo nhiệm vụ khảo sát hoặc phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt hoặc vi phạm trình tự khảo sát theo quy định;*

d) *Đề nhà thầu khảo sát xây dựng không đủ năng lực về nhân lực, thiết bị khảo sát tại hiện trường hoặc phòng thí nghiệm so với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt và quy định của hợp đồng xây dựng.*

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) *Buộc bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện khảo sát theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong quá trình đang thực hiện khảo sát;*

b) *Buộc thay thế người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm khảo sát và tổ chức thực hiện biện pháp kiểm soát chất lượng quy định tại phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trong quá trình đang thực hiện khảo sát;*

c) *Buộc sử dụng nhân lực, thiết bị, phòng thí nghiệm phù hợp với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với công trình chưa khởi công;*

d) *Buộc sử dụng phiếu kết quả thí nghiệm đáp ứng các nội dung theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;*

đ) *Buộc lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này đối với công trình chưa khởi công;*

e) *Buộc lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;*

g) Buộc lập nhiệm vụ khảo sát hoặc phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng *theo quy định* với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

h) Buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này *đối với trường hợp chủ đầu tư chưa nghiệm thu kết quả khảo sát*;

i) *Buộc khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa hình theo quy định với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này đối với công trình chưa khởi công*;

k) Buộc lập nhiệm vụ khảo sát *hoặc buộc lập* phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng với hành vi quy định tại *điểm a khoản 4* Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

l) *Buộc thực hiện khảo sát theo quy định* với hành vi quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

m) *Buộc yêu cầu nhà thầu khảo sát sử dụng nhân lực, thiết bị, phòng thí nghiệm phù hợp với phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt và quy định của hợp đồng xây dựng với hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*.

Mục 4

VI PHẠM VỀ THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Điều 18. Vi phạm của chủ đầu tư về thiết kế xây dựng (thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, thiết kế một bước) và dự toán xây dựng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng *đối với một trong các hành vi sau đây*:

a) *Không phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định*;

b) Không gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định;

c) Không tổ chức nghiệm thu hoặc tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng *đối với một trong các hành vi sau đây*:

a) Không tổ chức lập hoặc tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình không phù hợp với chủ trương đầu tư xây dựng công trình hoặc lập không đầy đủ các nội dung chính theo quy định;

b) Điều chỉnh thiết kế xây dựng mà không được thẩm định hoặc phê duyệt lại theo quy định khi thay đổi một trong các yếu tố: địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

c) Phê duyệt thiết kế xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn áp dụng hoặc sử dụng tiêu chuẩn xây dựng hết hiệu lực *hoặc không tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây dựng*;

d) Phê duyệt thiết kế bước sau không phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu theo quy định của thiết kế bước trước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công không phù hợp với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước;

đ) *Không phê duyệt hoặc phê duyệt chỉ dẫn kỹ thuật không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình xây dựng được phê duyệt và yêu cầu của thiết kế xây dựng.*

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phê duyệt dự toán có nội dung áp dụng, vận dụng định mức, *giá xây dựng công trình* không phù hợp với nội dung công việc hoặc số liệu sai lệch so với nội dung định mức áp dụng, vận dụng, *giá xây dựng công trình* làm tăng chi phí trong dự toán đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

b) *Phê duyệt dự toán có khối lượng xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán không phù hợp so với thiết kế được phê duyệt hoặc không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ xây dựng, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

c) *Không điều chỉnh hoặc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình nhưng không được thẩm định, phê duyệt theo quy định.*

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

c) Buộc tổ chức nghiệm thu hoặc nghiệm thu lại hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

d) Buộc tổ chức lập hoặc tổ chức lập lại nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

đ) Buộc thẩm định hoặc phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

e) Buộc phê duyệt lại thiết kế xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, *tiêu chuẩn áp dụng; buộc phê duyệt lại thiết kế xây dựng tuân thủ các quy định về sử dụng vật liệu xây dựng* với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này *đối với công trình chưa khởi công*;

g) Buộc phê duyệt lại thiết kế bước sau phù hợp với thiết kế bước trước *theo quy định, buộc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công phù hợp với nhiệm vụ thiết kế* với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này *đối với công trình chưa khởi công xây dựng*;

h) Buộc phê duyệt, phê duyệt lại chỉ dẫn kỹ thuật *theo quy định* với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

i) Buộc phê duyệt lại dự toán theo quy định với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này trong trường hợp chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc đã tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng kinh tế để làm căn cứ điều chỉnh giá gói thầu;

k) Buộc thẩm định, phê duyệt dự toán điều chỉnh *theo quy định* với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này *đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*.

Điều 19. Vi phạm của nhà thầu về thiết kế (thiết kế triển khai ngay sau thiết kế cơ sở, thiết kế một bước) và dự toán xây dựng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng *đối với một trong các hành vi sau đây*:

a) Lập hồ sơ thiết kế xây dựng không đúng quy định;

b) Điều chỉnh thiết kế xây dựng không đúng quy định;

c) Thực hiện bước thiết kế tiếp theo không phù hợp với bước thiết kế trước đã được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chỉ định nhà sản xuất, cung cấp vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng trong nội dung thiết kế xây dựng của công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

b) *Không tuân thủ các quy định về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình*;

c) Xác định cấp đất, cấp đá không phù hợp với kết quả khảo sát địa chất hoặc tính toán cự ly vận chuyển không phù hợp với kết quả khảo sát đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

d) Áp dụng, vận dụng định mức không phù hợp với nội dung công việc hoặc số liệu sai lệch so với nội dung định mức áp dụng, vận dụng làm tăng chi phí trong dự toán đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

đ) Xác định giá vật tư, vật liệu, nhân công, máy thi công xây dựng không phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về quản lý giá xây dựng, không phù hợp với quy định tại thời điểm xác định dự toán xây dựng và mặt bằng giá thị trường nơi thực hiện xây dựng công trình *dẫn đến làm tăng chi phí* đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*;

e) Tính sai khối lượng, lập dự toán có khối lượng không đúng với khối lượng tính toán từ bản vẽ thiết kế hoặc không có bản vẽ thiết kế các công trình phụ trợ nhưng đưa khối lượng vào dự toán để tính chi phí xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, *dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư*.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) *Lập hồ* sơ thiết kế xây dựng công trình thiếu kết quả khảo sát địa chất hoặc không căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất công trình hoặc không phù hợp với kết quả khảo sát *địa chất* theo quy định;

b) Không sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình theo quy định phải sử dụng;

c) Không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; phòng, chống cháy nổ; ứng phó với biến đổi khí hậu và các điều kiện an toàn khác *trong thiết kế xây dựng*;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện giám sát tác giả không đúng, không đầy đủ theo quy định;

đ) Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

b) Buộc điều chỉnh thiết kế xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

c) Buộc thực hiện bước thiết kế tiếp theo phù hợp với bước thiết kế trước đã được phê duyệt với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

d) Buộc *tuân thủ các quy định về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình theo quy định* với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

đ) Buộc lập lại dự toán theo đúng quy định với hành vi quy định tại *điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều này* áp dụng đối với công trình, hạng mục công trình chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc đã tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng kinh tế;

e) Buộc *lập hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định* với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

g) Buộc *sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo quy định* với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này đối với công trình chưa khởi công;

h) Buộc thực hiện giám sát tác giả theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

i) Buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng.

Mục 5

VI PHẠM VỀ KHỞI CÔNG, THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 20. Vi phạm của chủ đầu tư về khởi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi văn bản thông báo ngày khởi công (kèm theo bản sao giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế xây dựng) cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương nơi xây dựng công trình theo quy định đối với trường hợp có giấy phép xây dựng;

b) Không gửi văn bản thông báo ngày khởi công hoặc gửi văn bản thông báo ngày khởi công chậm cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương hoặc có thông báo nhưng không gửi kèm hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

c) Không gửi báo cáo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc gửi báo cáo không đầy đủ một trong các thông tin: tên, địa chỉ liên lạc, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô xây dựng, tiến độ thi công dự kiến sau khi khởi công xây dựng hoặc gửi thông báo khởi công không theo mẫu quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi khởi công xây dựng công trình mà thiếu một trong các điều kiện sau đây (trừ trường hợp khởi công xây dựng nhà ở riêng lẻ):

a) Mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ dự án;

b) Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện các hoạt động xây dựng liên quan đến công trình được khởi công theo quy định của pháp luật;

c) Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi khởi công xây dựng công trình mà chưa có thiết kế bản vẽ thi công của công trình, hạng mục công trình được phê duyệt.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung hợp đồng thi công xây dựng được ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc bổ sung biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 21. Vi phạm của chủ đầu tư về thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư hoặc của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu liên quan theo quy định;

b) Lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng không đầy đủ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt biển báo công trình tại công trường xây dựng hoặc biển báo không đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định trong trường hợp công trình đang thi công;

b) Không tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kiểm tra dẫn đến năng lực thực tế về nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng không đảm bảo so với hồ sơ dự thầu;

b) Không kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường của nhà thầu;

c) Không báo cáo về biện pháp đảm bảo an toàn đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định trong trường hợp thi công xây dựng công trình có vùng nguy hiểm ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng;

d) Không bố trí đủ nhân lực phù hợp để thực hiện giám sát thi công xây dựng, quản lý an toàn trong thi công xây dựng;

đ) Để tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện năng lực thực hiện *thiết kế*, thi công xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng nhà ở riêng lẻ theo quy định.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kiểm tra để chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng hoặc thiết bị lắp đặt vào công trình;

b) Để nhà thầu sử dụng vật liệu xây dựng không công bố hợp quy vào công trình đối với những vật liệu xây dựng phải công bố hợp quy theo quy định;

c) Không mua bảo hiểm công trình theo quy định;

d) Không tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình khẩn cấp mà không có lệnh *xây dựng công trình* khẩn cấp theo quy định.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thông báo bằng văn bản về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư hoặc của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu liên quan với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc lắp đặt biển báo đầy đủ nội dung tại công trường xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này *đối với công trình đang thi công*;

d) Buộc tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

đ) Buộc chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng bố trí nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng đảm bảo so với hồ sơ dự thầu với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

e) Buộc bổ sung kết quả kiểm tra biện pháp thi công, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường của nhà thầu với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

g) Buộc báo cáo về biện pháp đảm bảo an toàn đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;

h) Buộc bố trí đủ nhân lực phù hợp để thực hiện giám sát thi công xây dựng và quản lý an toàn trong thi công xây dựng với hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này;

i) Buộc bố trí nhân lực đủ điều kiện năng lực thực hiện *thiết kế*, thi công hoặc giám sát thi công *theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng*;

k) Buộc chủ đầu tư kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng hoặc thiết bị lắp đặt vào công trình theo đúng thiết kế và hợp đồng thi công xây dựng với hành vi quy định tại *điểm a khoản 5 Điều này*;

l) Buộc chủ đầu tư kiểm tra, xác định lại chất lượng công trình đối với hạng mục công trình đã đưa vật liệu xây dựng không công bố hợp quy vào công trình với hành vi quy định tại *điểm b khoản 5 Điều này*;

m) Buộc mua bảo hiểm công trình với hành vi quy định tại *điểm c khoản 5 Điều này* trong trường hợp công trình đang thi công xây dựng;

n) Buộc tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng với hành vi quy định tại *điểm d khoản 5 Điều này*;

o) Buộc xin lệnh xây dựng công trình khẩn cấp theo quy định với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 22. Vi phạm của nhà thầu về thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không hoàn trả mặt bằng, không di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và tài sản khác của nhà thầu ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao (trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác);

b) Không có nhật ký thi công hoặc nhật ký thi công lập không đúng quy định;

c) Không tiếp nhận *mặt bằng xây dựng*; không quản lý mặt bằng xây dựng; không bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình; không thực hiện quản lý công trường *xây dựng* theo quy định;

d) Sử dụng chi phí về an toàn lao động không đúng quy định;

đ) Không báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không trình chủ đầu tư chấp thuận một trong các nội dung sau:

a) Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật;

b) Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình hoặc biện pháp thi công;

c) Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

d) Tiến độ thi công xây dựng công trình;

đ) *Các quy định về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.*

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập bản vẽ hoàn công theo quy định;

b) Không xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình theo quy định;

c) Không bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Không tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng;

đ) Sử dụng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng không đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm hoặc không trực tiếp thực hiện công tác thí nghiệm theo quy định;

e) Nhà thầu thi công thi công sai giấy phép xây dựng; sai thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt; *sai tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; sai quy định về sử dụng vật liệu xây dựng; sai chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định.*

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) *Lập hồ sơ quản lý chất lượng sử dụng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình không đúng quy định;*

b) Thiếu kết quả thí nghiệm thử nghiệm, kiểm định vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu của thiết kế được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng công trình;

c) Không thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận hoặc không thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động, chạy thử liên động theo kế hoạch đã được chủ đầu tư chấp thuận trước khi đề nghị nghiệm thu.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu hoặc lập hệ thống quản lý thi công xây dựng *công trình của nhà thầu* không phù hợp với quy mô, tính chất của công trình hoặc lập hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu nhưng không thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan;

b) Không nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận liên quan đến quản lý chất lượng công trình *trong hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu*;

c) Không dừng thi công xây dựng đối với công việc xây dựng, bộ phận, hạng mục công trình khi phát hiện có sai sót, khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố công trình;

d) Không dừng thi công công trình khi phát hiện nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động;

đ) Không khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập, hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và tài sản khác của nhà thầu ra khỏi công trường theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc ghi nhật ký thi công đúng quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

c) Buộc tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị, mốc giới công trình với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

d) Buộc sử dụng đúng quy định chi phí về an toàn lao động với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

đ) Buộc báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

e) Buộc trình chủ đầu tư chấp thuận kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình với hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

g) Buộc trình chủ đầu tư biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình hoặc biện pháp thi công với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

h) Buộc trình chủ đầu tư chấp thuận kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

i) Buộc trình chủ đầu tư chấp thuận tiến độ thi công xây dựng công trình với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

k) Buộc trình chủ đầu tư chấp thuận các quy định về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

l) Buộc lập bản vẽ hoàn công theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

m) Buộc xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình với hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

n) Buộc bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

o) Buộc tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

p) Buộc sử dụng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đáp ứng đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm theo quy định với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

q) Buộc lập hồ sơ quản lý chất lượng theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đối với công trình chưa khởi công hoặc đang thi công xây dựng;

r) Buộc thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo quy định; buộc thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo quy

định với hành vi quy định tại *điểm c khoản 4* Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

s) Buộc lập hệ thống quản lý *thi công xây dựng* theo quy định; buộc thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng với hành vi quy định tại *điểm a khoản 5* Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

t) Buộc lập hệ thống quản lý *thi công xây dựng* nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận liên quan đến quản lý chất lượng công trình với hành vi quy định tại *điểm b khoản 5* Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

u) Buộc dừng thi công xây dựng và khắc phục các sai sót, khiếm khuyết, sự cố theo quy định để đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công với hành vi quy định tại *điểm c, điểm d khoản 5* Điều này;

v) Buộc khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình với hành vi quy định tại *điểm đ khoản 5* Điều này.

Điều 23. Vi phạm của nhà thầu thi công về an toàn trong thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Để người lao động không tuân thủ biện pháp kỹ thuật an toàn hoặc vi phạm các quy định về sử dụng dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân tham gia lao động trong thi công xây dựng công trình;

b) Không lập kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định *hoặc* không lập các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao;

c) Sử dụng thiết bị thi công không *được* kiểm định hoặc đã hết thời gian kiểm định; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nội dung ghi trong giấy tờ kiểm định;

d) Không có rào chắn *hoặc* biện pháp che chắn chắc chắn để ngăn ngừa xâm nhập *hoặc* không có các phương tiện cảnh báo, chỉ dẫn *hoặc* không bố trí người làm nhiệm vụ bảo vệ, cảnh báo và kiểm soát tại những vùng nguy hiểm, vùng nguy hại trên công trường;

đ) Không bố trí *hoặc* bố trí người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động không được đào tạo về chuyên ngành an toàn lao động *hoặc* chuyên ngành kỹ

thuật xây dựng và đáp ứng quy định khác của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

e) Không hướng dẫn người lao động nhận diện các yếu tố nguy hiểm có thể xảy ra tai nạn và các biện pháp ngăn ngừa tai nạn trên công trường;

g) Không trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp đảm bảo an toàn cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình;

h) Không trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong thi công.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định về phương án, giải pháp phá dỡ công trình xây dựng;

b) Không mua bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động theo quy định, lập các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao với các hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

b) Buộc sử dụng thiết bị thi công được kiểm định theo quy định, buộc thực hiện đúng các nội dung ghi trong giấy tờ kiểm định với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

c) Buộc thực hiện đúng quy định về biện pháp đảm bảo an toàn tại những vùng nguy hiểm, nguy hại trên công trình theo quy định với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

d) Buộc bố trí người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động, huấn luyện, hướng dẫn về an toàn lao động cho người lao động đáp ứng các điều kiện theo quy định với hành vi quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này;

đ) Buộc trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp đảm bảo an toàn cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện trong vùng nguy hiểm, vùng nguy hại trong thi công xây dựng công trình với hành vi quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

e) Buộc trình chủ đầu tư chấp thuận biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định với hành vi quy định tại điểm h khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

g) Buộc thực hiện đúng phương án, giải pháp phá dỡ theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

h) Buộc mua bảo hiểm theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng.

Điều 24. Vi phạm của nhà thầu thi công về quản lý đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định;

b) Không sử dụng phần mềm trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu kiểm định để cập nhật cơ sở dữ liệu đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng đã được kiểm định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị theo quy định với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với công trình đang thi công xây dựng;

b) Buộc sử dụng phần mềm trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu kiểm định theo quy định với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 25. Vi phạm của chủ đầu tư khi xảy ra sự cố công trình xây dựng, sự cố về máy, thiết bị

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không khai báo hoặc chậm khai báo khi xảy ra sự cố công trình xây dựng; *không hoặc chậm khai báo khi xảy ra sự cố về máy, thiết bị;*

b) Không lập hồ sơ sự cố công trình xây dựng hoặc không lập hồ sơ sự cố về máy, thiết bị theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố công trình xây dựng hoặc không tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố sự cố về máy, thiết bị hoặc tự ý phá dỡ, thu dọn hiện trường khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;